

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày: 14/01/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chắt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa

Ông Phạm Công Định

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/HSST- QĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/HSST-QĐ ngày 28/12/2020 đối với bị cáo:

Phạm Tuấn A, sinh năm 1991 tại tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: B, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn K, sinh năm 1968 và bà Đào Thị H, sinh năm 1969; Vợ: Trần Thị N, sinh năm 1991; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2012/HSST ngày 16/5/2012 của TAND huyện K (nay là thị xã K) xử phạt Phạm Tuấn A 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tính từ ngày tạm giam 12/01/2012; Ngày 20/7/2012, Tuấn A đã chấp hành xong án phí sơ thẩm hình sự, dân sự; Đối với số tiền 160.000 đồng mà Tuấn A phải bồi thường, ông Trần Văn C sinh năm 1965 ở thôn P, xã X, huyện K, tỉnh Hải Dương không có đơn yêu cầu thi hành án; (Đã xóa).

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/7/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A: Ông Đoàn Văn H - Luật sư của Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: T, Q, N, Hải Dương. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Trần Quang H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 178/36 đường 03/2, phường L, quận K, TP Cần Thơ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984 và anh Lê Văn K, sinh năm 1985;

Đều có địa chỉ: C, D, K, Hải Dương (Đều có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 65, khu 6, phường K, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1997; Địa chỉ: 191 P, xã T, huyện B, thành phố Cần Thơ;

+ Anh Nguyễn Thành G; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.
(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2019 đến tháng 9/2019, Phạm Tuấn A đã 09 lần thuê xe ô tô tự lái của anh Trần Quang H, sinh năm 1990 là giám đốc Công ty Cổ phần xe T, trú tại 178/36, đường 03/2, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ; sau khi thuê xe ô tô đều thanh toán đầy đủ tiền thuê. Ngày 06/10/2019, Tuấn A nảy sinh ý định thuê xe ô tô của anh H rồi mang đi cầm cố nên gọi điện thoại cho anh H đề nghị cho thuê xe ô tô và chụp ảnh đăng ký gửi trước cho Tuấn A. Anh H đồng ý và chụp ảnh đăng ký chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA - COROLLA màu trắng, loại 05 chỗ ngồi, biển số 65A-133.64 gửi qua tài khoản mạng xã hội Zalo cho Tuấn A. Thông qua mạng xã hội Facebook, Tuấn A thuê một người tên Phát (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) làm giả đăng ký xe ô tô mang tên chủ phương tiện là Phạm Tuấn A rồi điện thoại đề nghị anh H mang chiếc xe ô tô biển số 65A-133.64 đến K, Hải Dương giao cho Tuấn A. Theo hẹn trước với Tuấn A, sáng ngày 08/10/2019 anh H điều khiển xe ô tô biển số 65A-133.64 từ Cần Thơ đến xã S, thị xã K, tỉnh Hải Dương gặp và giao xe ô tô cho Tuấn A thuê. Khi thuê Tuấn A nói sử dụng xe ô tô để làm phương tiện đi lại phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản; hai bên không lập

hợp đồng nhưng thỏa thuận miệng: anh H cho Tuấn A thuê chiếc xe trên với giá 18.000.000 đồng/01 tháng, thời hạn cho thuê 03 tháng, 01 tuần thanh toán một lần, nếu không thanh toán đúng thời hạn thì anh H sẽ ra Hải Dương lấy xe ô tô không cho Tuấn A thuê nữa. Khi giao xe ô tô cho Phạm Tuấn A, anh H giao cùng 01 giấy biên nhận thể chấp xe ô tô biển số 65A-133.64 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank)-Chi nhánh Cần Thơ, 01 chìa khóa điện, 01 giấy chứng nhận kiểm định; Tuấn A đưa cho anh H số tiền 20.000.000 đồng gồm 18.000.000 đồng tiền thuê chiếc xe ô tô biển số 65A-178.02 trước đó và 2.000.000 đồng chi phí đi lại, ăn nghỉ. Sau khi nhận xe của anh H thì ngay trong ngày 08/10/2019, Tuấn A mang chiếc xe ô tô trên cùng đăng ký ô tô biển số 65A-133.64 làm giả trước đó cầm cố cho chị Phạm Thị T, sinh năm 1984, trú tại Thôn C, xã D, thị xã K, tỉnh Hải Dương để lấy số tiền là 400.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, 15 ngày thanh toán 1 lần, giữa hai người không lập giấy tờ cầm cố (theo Tuấn A khai); chị T lập hợp đồng mua bán xe không đề ngày tháng năm, không qua công chứng, yêu cầu Tuấn A ký xác nhận bên bán xe; chị T không biết đăng ký xe ô tô là giả và xe ô tô do Tuấn A giao thuộc sở hữu của người khác.

Khoảng ngày 24/10/2019, không thấy Tuấn A chuyển trả tiền thuê xe theo thỏa thuận, anh H gọi điện yêu cầu Tuấn A trả tiền thuê xe ô tô; ngày 26/10/2019, Tuấn A chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 101001594093 của anh H mở tại VietinBank-Chi nhánh Cần Thơ. Sau đó, khi đến hạn trả tiền thuê xe theo thỏa thuận, không thấy Tuấn A chuyển tiền, anh H gọi điện thoại, nhắn tin yêu cầu Tuấn A trả lại xe ô tô nhưng không thấy Tuấn A trả lời. Qua kiểm tra định vị xe ô tô, anh H thấy xe không di chuyển trong nhiều ngày nên ngày 22/11/2019, anh H rủ các anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1997, trú tại 191 P, xã T, huyện B, thành phố Cần Thơ và anh Nguyễn Thành G trú tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang là nhân viên của Công ty anh H đến địa bàn K tìm Tuấn A, đòi lại xe đã cho thuê. Anh H thuê xe ô tô tắc xi do anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976, trú tại tổ 65, khu 6, phường K, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh điều khiển chở anh H cùng anh Phong, anh Giàu đến vị trí xe ô tô biển số 65A - 133.64 theo định vị. Khoảng 12 giờ ngày 22/11/2019, khi đến khu vực trước cổng nhà máy xi măng Trung Hải, xã D, thị xã K, Hải Dương anh H định vị xác định xe ô tô biển số 65A - 133.64 đang ở trong một ngôi nhà có cửa cuốn không khóa do chị Phạm Thị T thuê của chị Nguyễn Thị Hương ở cùng thôn làm kho để xe ô tô; nghĩ nhà kho để xe ô tô là nhà kho của Phạm Tuấn A nên anh H cùng anh Giàu nâng cửa kho lên thấy xe ô tô biển số 65A - 133.64 đang để ở bên trong. Anh H dùng chìa khóa điện mang theo bấm mở nhưng xe ô tô báo hết điện không nổ máy được nên anh H sử dụng 02 đoạn dây điện để đấu nối điện từ xe tắc xi của anh Dũng sang xe ô tô biển số 65A - 133.64; khi xe nổ được máy, anh Giàu lái xe cùng anh H, anh P đi về thành phố Cần Thơ.

Đến khoảng 14 giờ ngày 22/11/2019 anh Lê Văn K (là chồng chị T) mở cửa kho thì phát hiện xe ô tô bị mất, nên cùng chị T có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K; sau đó ngày 20/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K chuyển hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương .

Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 27/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã K xác định trị giá chiếc xe ô tô biển số 65A - 133.64 là 584.500.000 đồng (Bút lục 46-48).

Tại Kết luận giám định số 7459/C09-P5 ngày 06/01/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021539 ghi cấp ngày 11/10/2017 cho xe ô tô TOYOTA số khung 3HE3H7515433, số máy 2ZRX629944 là giấy chứng nhận đăng ký giả (Bút lục số 49).

Tại Kết luận giám định số 2223/C09-P5 ngày 10/7/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: mẫu in và hình dấu trên Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021539 được làm giả bằng phương pháp in phun màu (bút lục số 59).

Tại Kết luận giám định số 41/KLGD ngày 15/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương xác định: Chữ ký đứng tên Phạm Tuấn A trên Hợp đồng mua bán xe ô tô TOYOTA - COROLLA màu trắng, biển số 65A-133.64 đứng tên bên bán (bên A)-Phạm Tuấn A và bên mua (bên B)- Phạm Thị T, là do Phạm Tuấn A ký ra (Bút lục số 54).

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKS-P1 ngày 25/11/2020, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Tuấn A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tuấn A khai cáo trạng truy tố đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Trần Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định đã nhận lại tài sản là xe ô tô bị cáo đã chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường khoản nào khác. Đề nghị xử bị cáo theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn Kiên yêu cầu buộc bị cáo Phạm Tuấn A phải trả cho anh, chị số tiền 400.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A: Luật sư Đoàn Văn H trình bày: Nhất trí với tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có hai con nhỏ, giảm cho bị cáo mức án thấp nhất.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố: bị cáo Phạm Tuấn A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 38 BLHS; Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 12- 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và từ 09 -12 tháng tù về tội Làm giả tài liệu cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 12 năm 09 tháng tù đến 14 năm tù; thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 27/7/2020.

- Trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 BLHS: Buộc bị cáo Phạm Tuấn A phải hoàn trả cho chị Phạm Thị T và anh Lê Văn K số tiền 400.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS đề nghị tuyên tịch thu cho tiêu hủy 02 đoạn dây điện, mỗi đoạn dài khoảng 5m, loại dây 2C x 4.0, vỏ nhựa, màu vàng, lõi đồng, ở mỗi đầu dây buộc với 01 chiếc cặp kim loại; Trả lại cho bị cáo Phạm Tuấn A 01 hộ chiếu số C3842505 mang tên Phạm Tuấn A, Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 24/8/2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Luật án phí, lệ phí và Nghị quyết 326 của Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai của bị cáo Phạm Tuấn A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Ngày 06/10/2019 với ý định thuê chiếc xe ô tô biển số 65A-133.64 của anh Trần Quang H là giám đốc Công ty Cổ phần xe H, trú tại 178/36, đường 03/2, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ rồi mang đi cầm cố; thông qua mạng xã hội Facebook, Phạm Tuấn A đã thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 65A-133.64. Sau đó ngày 08/10/2019, tại xã Hiệp Sơn, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương, sau khi nhận xe ô tô biển số 65A-133.64 trị giá 584.500.000 đồng do anh H giao, Tuấn A không sử dụng xe ô tô làm phương tiện đi lại theo thỏa thuận với anh H mà mang xe ô tô cầm cố cho chị Phạm Thị T, sinh năm 1984, trú tại khu dân cư C, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương lấy tiền 400.000.000đ, sử dụng cá nhân, không trả xe ô tô và tiền thuê xe cho anh H theo thỏa thuận.

Hành vi của bị cáo Tuấn A, do có ý định chiếm đoạt xe ô tô của bị hại trước khi thuê xe ngày 08/10/2019, nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để cho bị hại tin việc bị cáo thuê xe ô tô của bị hại để làm phương tiện đi lại làm ăn là thật, nên giao xe ô tô cho bị cáo thuê. Tuy nhiên, trước đó bị cáo đã thuê người làm giả Giấy đăng ký xe chủ phương tiện mang tên Phạm Tuấn A nhằm mục đích chiếm đoạt xe của bị hại, mang đi cầm cố xe ô tô lấy 400.000.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại và hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về giấy tờ, tài liệu. Bị cáo Tuấn A có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài, nên vẫn cố ý thực hiện. Xe ô tô bị cáo chiếm đoạt trị giá 584.500.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội làm giả tài liệu cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Vì vậy VKSND tỉnh Hải Dương truy tố đối với bị cáo Phạm Tuấn A về tội danh, điều luật áp dụng tại cáo trạng số 58/CT-VKS-P1 ngày 25/11/2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4]. Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất tinh vi, để chiếm đoạt được tài sản của bị hại bị cáo thực hiện nhiều hành vi thỏa mãn cấu thành của hai tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội làm giả tài liệu cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu: Tại Bản án số 24/HSST ngày 16/5/2012, TAND huyện K (nay là thị xã K) xử phạt Tuấn A

21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, do tâm lý muốn hưởng thụ, lại lười lao động, nên tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng hình phạt tù với cả hai tội, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung với xã hội.

Do bị cáo phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

[5].Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6].Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Bị hại xác định đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không còn yêu cầu khoản nào khác nên không phải xem xét, giải quyết về bồi thường.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng bị cáo nhận của chị Phạm Thị T khi cầm cố xe ô tô, là giao dịch dân sự vô hiệu do đối tượng giao dịch là ô tô bị cáo chiếm đoạt của bị hại, chị T không biết, nên buộc bị cáo Phạm Tuấn A phải trả số tiền 400.000.000đ cho chị T, anh K.

[7].Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Cần tịch thu và tiêu hủy 02 đoạn dây điện, mỗi đoạn dài khoảng 5m, loại dây 2C x 4.0, vỏ nhựa, màu vàng, lõi đồng, ở mỗi đầu dây buộc với 01 chiếc cặp kim loại, do không còn giá trị sử dụng.

Đối với 01 hộ chiếu số C3842505 mang tên Phạm Tuấn A, Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 24/8/2017 (hiện đang quản lý tại hồ sơ vụ án) là giấy tờ cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Phạm Tuấn A.

[8].Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án lệ phí Tòa án.

[9] Các vấn đề khác:

- Đối với anh Trần Quang H có hành vi cùng với các anh Nguyễn Đức P, anh Nguyễn Thành G mở cửa nhà kho của chị Phạm Thị T thuê để lấy chiếc xe ô tô 65A-133.64; chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của anh H do Phạm Tuấn A chiếm đoạt của anh H, anh H không biết Tuấn A cầm cố cho chị T và nghĩ nhà kho nơi để chiếc xe là của Tuấn A, nên hành vi này của anh H và anh Phong, anh Giàu không có dấu hiệu của tội phạm Trộm cắp tài sản, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với việc Phạm Tuấn A mang xe ô tô của anh H cầm cố cho chị Phạm Thị T là hình thức tiêu thụ tài sản đã chiếm đoạt của anh H nên tuy Tuấn A che giấu thông tin về quyền sở hữu đối với xe ô tô không thuộc quyền sở hữu của Tuấn A để vay số tiền 400.000.000 đồng của chị T, nhưng việc chị T nhận tài sản cầm cố (theo Tuấn A khai) hay tài sản do Tuấn A bán (theo chị T khai) thuộc trường hợp ngay tình và giao dịch giữa Tuấn A, chị T là giao dịch dân sự vô hiệu; không chứng minh được Tuấn A sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp hay có điều kiện nhưng cố tình không trả nợ theo cam kết với chị T, nên hành vi này của Tuấn A không có dấu hiệu phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự hay tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 Bộ luật hình sự.

- Đối với anh Lê Văn K, chị Phạm Thị T: Khi nhận xe ô tô biển số 65A-133.64, giao số tiền 400.000.000 đồng cho Phạm Tuấn A, chị T không biết xe ô tô thuộc quyền sở hữu của người khác; sau đó khi chị T, anh K nghi ngờ đăng ký xe ô tô là giả có yêu cầu Tuấn A viết cam kết có nội dung thừa nhận đã làm giả đăng ký để ràng buộc trách nhiệm trả lại số tiền 400.000.000 đồng và lấy lại xe ô tô thì Tuấn A vẫn xác nhận với chị T, anh K là xe ô tô thuộc sở hữu của Tuấn A, nên chưa có đủ căn cứ kết luận chị T và anh K biết rõ đăng ký xe ô tô do Tuấn A giao cho là giả và biết nguồn gốc xe ô tô biển số 65A-133.64 do Tuấn A giao là thuộc sở hữu của người khác. Do vậy, hành vi của chị T và anh K không có dấu hiệu của tội phạm Không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự hay có dấu hiệu của tội phạm Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự. Việc Tuấn A khai cầm cố chiếc xe trên cho chị T với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và đã trả số tiền lãi 36.000.000 đồng cho chị T, chị T không thừa nhận, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh chị T nhận tiền lãi do Tuấn A trả, nên chưa có căn cứ xem xét xử lý chị T về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với đối tượng được Phạm Tuấn A thông qua mạng xã hội Facebook thuê làm giả đăng ký xe ô tô biển số 65A-133.64, Tuấn A không biết đối tượng này là ai, không nhớ tài khoản mạng xã hội của đối tượng này, nên không có căn cứ xử lý, cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, xác minh, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 38 BLHS;

2. Về tội danh:

Tuyên bố: bị cáo Phạm Tuấn A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

3. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A 13 (Mười ba) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 09 (chín) tháng tù về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (Mười ba) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 27/7/2020.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 BLHS: Buộc bị cáo Phạm Tuấn A phải hoàn trả cho chị Phạm Thị T và anh Lê Văn K số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 02 đoạn dây điện, mỗi đoạn dài khoảng 5m, loại dây 2C x 4.0, vỏ nhựa, màu vàng, lõi đồng, ở mỗi đầu dây buộc với 01 chiếc cặp kim loại. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 11/12/2020)*

Trả lại cho bị cáo Phạm Tuấn A 01 hộ chiếu số C3842505 mang tên Phạm Tuấn A, Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 24/8/2017 (hiện đang quản lý tại hồ sơ vụ án).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; Người QLNVLQ;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Yến